

Số: /BC-SNN

Bình Thuận, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả triển khai công tác quản lý và hậu kiểm
về an toàn thực phẩm năm 2022

Kính gửi: Sở Y tế.

Ngày 23/11/2022, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận công văn số 4929/SYT-ATTP ngày 23/11/2022 của Sở Y tế về việc báo cáo kết quả triển khai công tác quản lý và hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2022; Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch quản lý, hậu kiểm năm 2023 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN LÝ VÀ HẬU KIỂM VỀ
AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2022

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ ATTP:

1. Công tác tổ chức tham mưu, chỉ đạo thực hiện:

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các kế hoạch của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh; trong năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản tham mưu, chỉ đạo như sau:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 05 văn bản: Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Kế hoạch đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh về việc công bố TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC đối với các TTHC mới ban hành lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Thuận; Kế hoạch số 1971/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2512/KH-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án "Đảm bảo ATTP, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 3260/KH-UBND ngày

29/9/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành 158 văn bản chỉ đạo, các Chi cục trực thuộc ban hành nhiều văn bản triển khai thực đầy đủ các nhiệm vụ được giao.

2. Công tác tập huấn, tuyên truyền:

Công tác tập huấn, tuyên truyền trong năm 2022 được Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai bằng nhiều hình thức phong phú nhằm tiếp cận đầy đủ các đối tượng cần tuyên truyền, cụ thể:

- Tổ chức 37 lớp tập huấn kiến thức ATTP, tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản năm 2017, Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành luật cho 2011 người là cán bộ quản lý cấp xã, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng, cơ sở nuôi tôm thương phẩm, chủ tàu/thuyền trưởng tàu cá tham dự.

- Viết 124 tin, bài tuyên truyền về công tác ATTP đăng trên Website của Sở Nông nghiệp và PTNT và của Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.

- Xây dựng phóng sự tuyên truyền về ATTP phát 02 buổi trên Đài Truyền hình Bình Thuận.

- Phát thanh tuyên truyền về ATTP phát 383 lượt trên hệ thống phát thanh xã, phường, thị trấn.

- Treo 43 khung nhôm, 16 bảng pano, cấp phát 500 quạt.

- Tổ chức 03 Hội nghị với 320 người tham dự hướng dẫn đưa sản phẩm nông sản lên sàn thương mại điện tử, phổ biến Lệnh 248, 249 của thị trường Trung Quốc, thiết lập và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói thanh long.

Qua công tác tuyên truyền, người dân và cơ sở có ý thức hơn trong tuân thủ pháp luật về ATTP.

3. Công tác quản lý cơ sở, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tự công bố sản phẩm:

Trong năm 2022, đã thẩm định 366 cơ sở, đạt điều kiện theo quy định 366 cơ sở chiếm tỷ lệ 100%, đã cấp 281 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định bao gồm cấp mới 174 cơ sở, cấp lại do hết hạn 107 cơ sở, trong đó:

+ Nông sản nguồn gốc động vật: Thẩm định 43 cơ sở, đạt điều kiện 43 cơ sở.

+ Nông sản nguồn gốc thực vật: Thẩm định 93 cơ sở, đạt điều kiện 93 cơ sở.

- + Thủy sản: Thẩm định 107 cơ sở, đạt điều kiện 107 cơ sở.
- + Tàu cá: Thẩm định 124 chiếc, đạt điều kiện 124 chiếc.

4. Lấy mẫu giám sát:

- Thực hiện thu 252 mẫu xét nghiệm 289 chỉ tiêu vi sinh và hóa học giám sát chất lượng, ATTP nông sản, thủy sản sau thu hoạch và giám sát dư lượng thuốc BVTV (nông sản thực vật: 108 mẫu, nông sản động vật: 15 mẫu, thủy sản: 108 mẫu; phân tích dư lượng thuốc BVTV: 16 mẫu thanh long và 5 mẫu rau), kết quả 12 mẫu không đạt yêu cầu (trong đó: 05 mẫu nước mắm không đạt chỉ tiêu đạm tổng, 03 mẫu thủy sản khô phát hiện Rhodamin B, 02 mẫu nguyên liệu thủy sản phát hiện Formol; 01 mẫu nông sản thực vật không đạt chỉ tiêu Caffein, 01 mẫu nông sản thực vật không đạt chỉ tiêu vi sinh).

(Chi tiết theo từng nhóm chỉ tiêu tại Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu).

5. Các nội dung khác liên quan công tác quản lý ATTP:

a. Hỗ trợ cơ sở áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến:

Hỗ trợ 16 cơ sở làm quen áp dụng Chương trình quản lý chất lượng theo quan điểm HACCP (nông sản: 08 cơ sở, thủy sản: 08 cơ sở); 04 cơ sở chứng nhận HACCP (nông sản: 01 cơ sở, thủy sản: 03 cơ sở).

b. Xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn:

Trong năm 2022, xây dựng và kết nối 5 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, trong đó : Hoàn thiện kết nối 01 chuỗi thủy sản khô với sản lượng 1.500 tấn/năm, xây dựng 01 chuỗi sản phẩm nước mắm với sản lượng 3 triệu lít/năm, thực hiện 1 mô hình thí điểm liên kết theo chuỗi giá trị bạch tuộc trên địa bàn Thành phố Phan Thiết, xây dựng 01 chuỗi sản phẩm thịt đông lạnh với sản lượng 70 tấn/năm, xây dựng 01 chuỗi cung ứng rau an toàn với diện tích trồng trọt 1,0ha được chứng nhận VietGAP.

c. Cấp giấy xác nhận sản phẩm an toàn

Cấp 04 giấy xác nhận sản phẩm an toàn cho 04 cơ sở với 13 sản phẩm (trong đó: 04 sản phẩm nông sản, 09 sản phẩm thủy sản).

d. Tiếp nhận hồ sơ tự công bố sản phẩm:

Trong năm 2022, tiếp nhận 334 hồ sơ (thủy sản 252 hồ sơ, nông sản 82 hồ sơ); Cập nhật và công khai định kỳ 2 lần/tháng trên Website Sở Nông nghiệp và PTNT và Website Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.

đ. Tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn cho 1476 cơ sở nhỏ lẻ và tàu cá theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT.

e. Thực hiện Chương trình phối hợp số 01/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN ngày 13/10/2021 giữa Chính phủ với Hội Nông dân Việt Nam và Hội Liên hiệp

Phụ nữ Việt Nam về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021- 2025, năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp tuyên truyền với Hội Nông dân tỉnh và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2022- 2025 trên địa bàn toàn tỉnh tổ chức 17 lớp tuyên truyền với 921 người tham dự, cấp phát 500 quạt tuyên truyền độc tố, 1.000 bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn.

6. Kinh phí hoạt động:

Trong năm 2022, nguồn kinh phí đầu tư cấp cho lĩnh vực an toàn thực phẩm: 1,86 tỷ đồng, trong đó nguồn sự nghiệp Ngành Nông nghiệp: 1,11 tỷ đồng, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 750 triệu đồng.

II. CÔNG TÁC HẬU KIỂM VỀ ATTP

1. Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm:

Trong năm 2022, công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm được đẩy mạnh; đã thành lập 44 đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm đối với 196 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, xử lý vi phạm hành chính 24 cơ sở/206 triệu đồng (đã thu phạt 100%); bao gồm:

- Thẩm định định kỳ 36 đoàn/123 cơ sở, không xử lý vi phạm;
- Thanh tra theo kế hoạch 03 đoàn/30 cơ sở, xử lý vi phạm 14 cơ sở số tiền 95,25 triệu đồng. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi hàng hóa 6 cơ sở;
- Thanh tra đột xuất 04 đoàn/17 cơ sở; xử phạt vi phạm hành chính 08 cơ sở/98,75 triệu đồng
- Thanh tra liên ngành 1 đoàn/26 cơ sở (bao gồm 2 Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP), xử phạt vi phạm hành chính 2 cơ sở số tiền 12 triệu đồng.

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở quản lý (chưa bao gồm tàu cá và cơ sở ký cam kết)	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm	Số cơ sở đạt
1	Sản xuất kinh doanh thực phẩm	507	196	172

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ/cơ sở thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm	196	
2	Số cơ sở có vi phạm	24	
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	24	
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
*	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	
*	Số cơ sở bị phạt tiền	24	
Tổng số tiền phạt: 206.000.000 đồng			
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa	0	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	
*	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	1	
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	1.044 kg thịt heo	
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	8	
*	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	3	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo	0	
*	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành	0	
*	Các xử lý khác	8 (Buộc thu hồi sp)	
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	0	

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được kiểm tra, thanh tra, hậu kiểm	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	196	6	
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	196	0	
3	Điều kiện về con người	196	5	
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm	196	1	
5	Ghi nhãn thực phẩm	196	8	
6	Quy định về quảng cáo thực phẩm	196	0	
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	196		
8	Vi phạm khác	196	4	

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
I Xét nghiệm tại labo				
1	Vi sinh	49	1	2,04
2	Hóa lý	236	11	4,66
Tổng số xét nghiệm tại labo		285	12	4,21
II Xét nghiệm nhanh				
1	Vi sinh	0	0	
2	Hóa lý	12	0	
Cộng		12	0	
Tổng xét nghiệm labo và xét nghiệm nhanh		297	12	4,04

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

- Công tác điều hành quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp được Sở Nông nghiệp và PTNT quan tâm, chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời, đồng bộ.

- Ý thức chấp hành quy định về ATTP của các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản được nâng cao, tỉ lệ, tỷ lệ mẫu giám sát không đạt yêu cầu ATTP giảm 2,56% so với năm 2021.

2. Hạn chế, nguyên nhân:

- Vẫn còn tình trạng cơ sở không tuân thủ nghiêm quy định về ATTP, vẫn còn cơ sở vi phạm và bị xử lý, mẫu sản phẩm không đạt yêu cầu (mẫu không đạt chiếm 5,19% tổng số mẫu thực hiện).

- Cấp huyện hầu như chưa triển khai kiểm tra, hậu kiểm đối với các cơ sở đã ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm đảm bảo ATTP.

Nguyên nhân các hạn chế trên:

- Hầu hết cán bộ xã, phường thực hiện nhiệm vụ thống kê, đánh giá đều là cán bộ không chuyên trách, thường xuyên thay đổi; kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, chưa nắm vững các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, kiến thức chuyên môn còn hạn chế nên việc triển khai kiểm tra, hậu kiểm đối với các cơ sở đã ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm đảm bảo ATTP thuộc thẩm quyền quản lý khó khăn.

- Các cơ sở thuộc diện ký cam kết theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT chủ yếu là quy mô nhỏ, cá thể, hộ gia đình, thường xuyên nghỉ hoặc thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh, gây khó khăn trong công tác quản lý và theo dõi để triển khai kiểm tra, hậu kiểm.

3. Kiến nghị:

Có chính sách kiện toàn cơ quan quản lý an toàn thực phẩm cấp huyện theo hướng chuyên trách, là cơ quan đầu mối tham mưu UBND huyện quản lý về lĩnh vực ATTP.

PHẦN II KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ HẬU KIỂM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2023

I. MỤC ĐÍCH

1. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở các Chi cục, thông qua hoạt động hậu kiểm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm. Đánh giá việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT.

2. Triển khai hoạt động hậu kiểm có trọng tâm, trọng điểm; tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục tăng cường trách

nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Qua công tác hậu kiểm tiếp tục tuyên truyền chính sách pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm: Điều 317 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2018; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021; Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018; Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại sản xuất buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

4. Công tác hậu kiểm phải ngăn chặn được cơ bản tình trạng sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm an toàn; quảng cáo thực phẩm vi phạm. Phát hiện, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

II. YÊU CẦU

1. Công tác hậu kiểm phải kiểm soát an toàn thực phẩm toàn diện tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Các hoạt động hậu kiểm phải được thực hiện thường xuyên, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

2. Tránh chồng chéo trong hoạt động hậu kiểm. Việc triển khai hậu kiểm của các Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản, Trồng trọt và BVTV, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản theo trách nhiệm quản lý đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm, loại hình cơ sở nêu tại tại phụ lục IV Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; tập trung sản phẩm/nhóm sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phân cấp cho đơn vị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản công bố sản phẩm. Đối với cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý chuyên ngành nào cấp giấy chứng nhận điều kiện an toàn thực phẩm thì cơ quan đó chịu trách nhiệm hậu kiểm.

4. Hoạt động hậu kiểm phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời, đúng pháp luật. Tiến hành hậu kiểm không cản trở hoạt động bình thường của các tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh kiểm tra.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Triển khai các cuộc hậu kiểm

Căn cứ vào kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh và theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; yêu cầu Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản, Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản triển khai hậu kiểm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý như sau:

a. Kiểm tra liên ngành:

- Quý I: Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão và mùa Lễ hội Xuân 2023;

- Quý II: Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2023;

- Quý III: Kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết trung thu năm 2023.

Việc triển khai kiểm tra liên ngành trong từng đợt cao điểm nêu trên sẽ thực hiện theo kế hoạch cụ thể của Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

b. Hậu kiểm chuyên ngành:

Hậu kiểm chuyên ngành được triển khai thường xuyên trong năm 2023, bao gồm:

- Thẩm định định kỳ các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý theo tần suất quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT;

- Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (áp dụng kiểm tra cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT);

- Thanh tra theo kế hoạch đã được phê duyệt;

- Thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của cơ sở;

- Lấy mẫu sản phẩm nông lâm thủy sản giám sát an toàn thực phẩm theo Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT.

2. Trọng tâm các hoạt động hậu kiểm

- Đánh giá việc tuân thủ các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy chuẩn hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật;

- Việc kiểm soát chất lượng thực phẩm ở các khâu nguồn gốc nguyên liệu, vận chuyển, bảo quản, quá trình sản xuất, chế biến, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường. Nội dung tập trung kiểm soát: việc sử dụng hóa chất, phụ gia thực

phẩm, chất hỗ trợ chế biến, hương liệu, phẩm màu trong bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm; việc sử dụng chất cấm, kháng sinh, thuốc thú y trong chăn nuôi, nuôi trồng; việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cấm, không đúng quy định trong trồng trọt, bảo quản nông sản; kiểm soát hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ; kiểm soát thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, hết hạn sử dụng, đưa tạp chất vào trong thực phẩm...

- Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm, nội dung tự công bố, phiếu kết quả kiểm nghiệm, nhãn sản phẩm, kiểm tra chất lượng ATTP sản phẩm theo hồ sơ tự công bố... và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

- Chú trọng hậu kiểm đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

- Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước của các Chi cục được giao nhiệm vụ quản lý chất lượng ATTP, tập trung các nội dung: Việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ; công tác tiếp nhận và công khai bản tự công bố sản phẩm, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm và xử lý vi phạm.

- Các đoàn hậu kiểm khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Các Chi cục theo thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả mạnh mẽ, quyết liệt như: đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an toàn thực phẩm; tịch thu tang vật, tạm dừng lưu thông, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về an toàn thực phẩm... Thông qua công tác hậu kiểm, phát hiện, ngăn chặn kịp thời vi phạm về an toàn thực phẩm, không để thực phẩm không bảo đảm an toàn, không rõ nguồn gốc xuất xứ, nhập lậu lưu thông trên thị trường.

- Kết hợp hậu kiểm với tuyên truyền chính sách pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, chú trọng tuyên truyền quy định xử lý hình sự đối với tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm theo Điều 317 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

3. Lấy mẫu kiểm nghiệm:

Căn cứ tình hình thực tế về đánh giá nguy cơ của các nhóm sản phẩm, các đoàn kiểm tra, hậu kiểm lấy mẫu kiểm định chất lượng; gửi mẫu phân tích tại các phòng kiểm nghiệm đã được chỉ định; số lượng mẫu do trưởng đoàn quyết định theo yêu cầu công tác kiểm tra, hậu kiểm.

Việc đánh giá kết quả mẫu theo mức chất lượng cơ sở tự công bố. Trường hợp mức chất lượng công bố không phù hợp với quy chuẩn tương ứng hoặc các

quy định hiện hành thì phải căn cứ quy chuẩn tương ứng hoặc các quy định hiện hành đó.

4. Các căn cứ để xử lý vi phạm:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;
- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;
- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
- Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số của Nghị định 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;
- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về ghi nhãn; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của

Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn Hàng hóa;

- Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ Y tế hướng dẫn lấy mẫu phục vụ thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; Thông tư số 12/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Việc áp dụng xử lý vi phạm phải đúng quy định pháp luật, kết quả xử lý công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí phục vụ cho công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai công tác quản lý và hậu kiểm an toàn thực phẩm năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của ngành Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, PGĐ Sở (Phan Văn Tấn);
- Chi cục QLCLNLTS;
- Lưu: VT, CCQLCL (P.3b)

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Văn Tấn